

# CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG HIỆU QUẢ DỊCH VỤ THUỶ NÔNG TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

**TS. Đinh Vũ Thanh,**  
*Vụ Khoa học công nghệ;*  
**PGS.TS. Hà Lương Thuần,**  
*Viện Khoa học Thủy lợi*

**Tóm tắt:** *Thực hiện miễn giảm thủy lợi phí cho nông dân trong trồng trọt và nuôi trồng thủy sản theo chủ trương của Nhà nước nhằm nâng cao mức sống của nông dân, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá trên thị trường, góp phần xoá đói giảm nghèo đã có những tác động tích cực trong đời sống xã hội. Trong bối cảnh đó, việc quản lý thủy nông cũng cần có những thay đổi về nhiều mặt, cả về cơ chế chính sách, tổ chức quản lý, hạ tầng cơ sở, cũng như về quản lý tài chính.*

*Bài viết này giới thiệu cơ hội và thách thức đối với quản lý thủy nông và một số kết quả nghiên cứu cơ sở và đề xuất giải pháp cũng như những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu nhằm nâng cao hiệu quả dịch vụ thủy nông trong giai đoạn hiện nay.*

**Từ khoá:** *nước, dịch vụ, quản lý thủy nông, thủy lợi phí, cơ hội, thách thức, giải pháp.*

## 1. NƯỚC VÀ QUẢN LÝ THUỶ NÔNG

### 1.1. Nước và vai trò của quản lý thủy nông

Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã khẳng định “nước là tài nguyên đặc biệt quan trọng, là thành phần thiết yếu của sự sống và môi trường, quyết định sự tồn tại, phát triển của bền vững của đất nước...” và “tổ chức cá nhân được quyền khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho đời sống và sản xuất, đồng thời có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên nước...”

Tại diễn đàn nước thế giới lần thứ III tổ chức tại Nhật bản năm 2003, trong tuyên bố đã đề cập “nước là nhân tố thiết yếu cho sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn nhằm cải thiện an ninh lương thực và xoá nghèo. Nước tiếp tục giữ nhiều vai trò quan trọng, chẳng hạn trong sản xuất lương thực, tăng trưởng kinh tế và đảm bảo bền vững môi trường”.

Ở Việt Nam, nước cùng với các biện pháp nông nghiệp khác đã làm tăng năng suất, tăng sản lượng, tăng vụ nên mặc dù dân số tăng nhanh, diện tích bình quân đất đai canh tác giảm (2548 m<sup>2</sup>/người năm 1930 xuống còn 730 m<sup>2</sup>/người năm 1990), nhưng lương thực bình quân đầu người vẫn tăng từ 444,9 kg/người (năm 2000) lên 482,5 kg/người (năm 2005) và tỷ lệ thiếu đói cũng giảm mạnh.

*Bảng 1: Tỷ lệ giảm đói (%) trên tổng số dân*

Năm 1990 -1992	Năm 1995	Năm 2002 -2004
31%/67,5	23%/74	16%/82,481

Theo chuyên viên nông học Sandria Postele thì “trong hơn 4 thập niên qua, việc tăng cường hiệu suất tưới nước là một trong những yếu tố căn bản đem đến lượng nông phẩm dồi dào”.

Việt Nam, nhờ có nước tưới diện tích gieo trồng hàng năm được tăng lên, hệ số sử dụng đất đã tăng từ 1,3 lên 2,2; đặc biệt có nơi đã tăng đến 2,4 - 2,7; góp phần đưa sản lượng lương thực tăng từ 16 triệu tấn (năm 1986) và 34 triệu tấn (năm 1999) và 39,341 triệu tấn năm 2005.

Để bảo đảm an ninh lương thực trong những thập kỷ tới người ta vẫn trông chờ vào các vùng đất được tưới. Tiến sĩ Martin Snith nghiên cứu sự phát triển của hệ thống tưới đã chỉ ra rằng: “tỷ lệ phát triển các hệ thống tưới ở châu Á đã chỉ đạt mức 3% trong những năm 1970 và hiện tại tỷ lệ này ở châu Á chỉ đạt 1,4% và có thể giảm xuống 1% trong năm 2010, đó là do không có nguồn đất thích hợp, thiếu nguồn nước đồng thời giá thành đầu tư cao”. Trong khung cảnh đó, để thoả mãn nhu cầu lương thực ngày càng tăng, ngoài xây dựng các hệ thống mới thì nay chuyển sang biện pháp hướng vào quản lý hiệu quả tưới, nhấn

manh không chỉ vào khía cạnh kỹ thuật của tưới mà còn ở khía cạnh tổ chức, kinh tế, xã hội và yếu tố môi trường trong tưới tiêu.

## 1.2. Quản lý thủy nông

Quản lý thủy nông ngày càng trở nên cần thiết hơn, quan trọng hơn trong những thập kỷ tới. Để có một nền nông nghiệp bền vững, đòi hỏi cần có những giải pháp tích cực hơn, toàn diện hơn để đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả của hệ thống tưới trong cả nước đặc biệt là hai vùng trọng điểm lúa của cả nước là đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu long. Một số vấn đề cần quan tâm là:

- *Tài chính nước trong dịch vụ thủy nông:*

Một trong 4 nguyên tắc về quản lý nước được thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh toàn cầu Rio Dejanero năm 1992 là: *Nước có giá trị kinh tế trong mọi dạng sử dụng canh tranh và cần được thừa nhận là một hàng hoá kinh tế.* Nước không phải là một hàng hoá thông thường. Đó là yếu tố tự nhiên sống còn của các quá trình môi trường, của phúc lợi xã hội, của hiện thực kinh tế và phát triển. Nước cũng mang tính kinh tế đặc thù - là hàng hoá nhưng là hàng hoá công cộng, một tình trạng nửa cạnh tranh nửa bao cấp, hay xảy ra sự cố, không ổn định chắc chắn, thông tin không đầy đủ, không chính xác, tiềm tàng những bất công về xã hội và môi trường, dễ dàng bị độc quyền chi phí. Vì vậy nói đến tính chất hàng hoá của nước các chuyên gia đưa ra 3 mặt để xem xét: Quyền sử dụng nước và thải nước; Thị trường nước; Chính sách tài chính trong quản lý nước và dịch vụ công cộng.

Để có thể khai thác lợi ích cao nhất từ nguồn nước có sẵn, cần thay đổi những khái niệm về giá trị của nước và nhận thức những chi phí cơ hội liên quan đến mô hình phân bổ nước hiện nay. Chi phí tối thiểu của việc cung cấp (nước và dịch vụ liên quan) phải được thu hồi nhằm đảm bảo đầu tư bền vững. Nhưng nếu giá cung cấp mà cao và nảy sinh mối quan ngại về vấn đề xã hội thì có thể phải bao cấp cho một số nhóm thiệt thòi trong xã hội....

Theo "Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi": "Thủy lợi phí" là phí dịch vụ về nước thu từ tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi cho mục đích sản xuất nông nghiệp để góp phần chi phí cho

việc quản lý, duy tu, bảo dưỡng và bảo vệ công trình thủy lợi.

Trong dịch vụ thủy nông hiện nay, khi thu thủy lợi phí, ở chừng mực nào đó nước đã thể hiện như là hàng hóa, là đầu vào của sản xuất nông nghiệp như mọi loại vật tư khác: phân bón, giống, thuốc trừ sâu v.v. Thủy lợi phí hiểu như trên đã thể hiện sự bao cấp của nhà nước đối với người sử dụng nước. Ở đây thủy lợi phí đã không bao gồm tiền khấu hao cơ bản xây dựng hệ thống tưới, tiền thuế tài nguyên nước. Thủy lợi phí như vậy cũng khác với thuế nông nghiệp và các loại phí khác mà người dân phải đóng hiện nay (khoảng 28 khoản).

Với việc người dùng nước phải trả tiền "thủy lợi phí" hoặc "tiền nước" như hiện nay, mối quan hệ giữa người cung cấp dịch vụ nước và người dùng nước đã được xác định thông qua hợp đồng.

- *Hiệu quả quản lý thủy nông:* có thể coi "Hiệu quả tưới của hệ thống là mức độ đạt được của những mục tiêu ban đầu đề ra đối với những hệ thống tưới đó". Các thông số để xác định hiệu quả tưới được thảo luận ở nhiều hội thảo. Các chuyên gia đã nhất trí về các thông số, tuy rằng mỗi nước có các mục tiêu đánh giá khác nhau tùy theo điều kiện của hệ thống tưới đó, bao gồm các nhóm thông số sau:

- + Hệ thống phân phối nước (bao gồm các công trình trên kênh);
- + Khía cạnh môi trường trong hệ thống tưới;
- + Hiệu quả tưới mặt ruộng;
- + Hiệu quả về kinh tế và Hiệu quả xã hội;
- + Hiệu quả về sử dụng nhiều mục đích.

Mỗi chỉ tiêu lại có phương pháp đo đạc và công thức tính khác nhau. Và nhiệm vụ của người quản lý khai thác công trình trình thủy lợi là quản lý vận hành thế nào để hệ thống tưới đạt được mục tiêu đề ra.

Khi nói đến dịch vụ tưới tốt nhất có nghĩa là về mặt tổng thể người nông dân thỏa mãn dịch vụ cung cấp nước tưới hoặc nuôi trồng thủy sản. Về khía cạnh kỹ thuật đó là họ được *cung cấp đúng lúc, đúng nhu cầu về số lượng và chất lượng, công bằng, năng suất và hiệu quả.* Khi nói đến công trình bền vững và hiệu quả tức là chúng ta nói đến các chỉ tiêu ở trên có đạt theo yêu cầu đề ra ban đầu không.

## **2. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI QUẢN LÝ THỦY NÔNG TRONG GIAI ĐOẠN MỚI**

### **2.1. Miễn giảm thủy lợi phí- giai đoạn mới trong quản lý thủy nông**

Tại kỳ họp Quốc hội cuối năm 2006, một số tỉnh đề nghị miễn thủy lợi cho nông dân. Một số tỉnh như Thái Bình, Đà Nẵng, Vĩnh Phúc đã thực hiện. Sau đó Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và PTNT cũng đưa ra ý kiến trong những năm tới nhằm hỗ trợ sức dân, nhà nước chủ trương xem xét không thu thủy lợi phí từ những người sử dụng nước trong nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản. Để bảo đảm kinh phí phục vụ công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi nhà nước sẽ cấp bù cho ngành nông nghiệp một khoản kinh phí nhất định.

Như vậy, thực chất là thay đổi người trả tiền thủy lợi phí. Thay vì nông dân (người dùng nước) trả tiền cho người cung cấp dịch vụ nước thì sắp tới nhà nước sẽ trả thay cho họ.

*Vấn đề đặt ra là chính sách và các hoạt động thực tiễn làm thế nào để người nông dân tiếp tục được hưởng dịch vụ tưới tiêu một cách tốt nhất và hệ thống tưới tiêu được quản lý tốt, hiệu quả và bền vững, các nguyên tắc quản lý tổng hợp tài nguyên nước được vận dụng một cách thích hợp khi mà người dùng nước không phải trả tiền nước.*

### **2.2. Cơ hội cho nông dân - người được hưởng dịch vụ**

Theo Bộ Nông nghiệp và PTNT, số lượng và mức của các khoản đóng góp từ hộ nông dân rất khác nhau giữa các địa phương, các vùng. Bình quân một năm, một hộ dân phải thường xuyên đóng góp 28 khoản, với mức từ 250.000-800.000 đồng. Đó là chưa kể các khoản phí, lệ phí khác, bà con phải nộp theo quy định của Nhà nước khi giải quyết các việc hành chính trên địa bàn thôn, xã. Việc chủ trương miễn thủy lợi phí là một cơ hội lớn cho nông dân. Sau miễn thu thuế nông nghiệp, giờ được miễn thu thủy lợi phí, người nông dân được giảm gánh nặng đóng góp, có điều kiện và cơ hội để phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo, tạo điều kiện để từng bước thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, cuộc sống, mức hưởng thụ giữa các vùng miền đặc biệt là nông thôn và thành thị.

### **2.3. Cơ hội cho các Công ty quản lý khai thác công trình thủy lợi - người cung cấp dịch vụ**

Thủy lợi phí là nguồn thu từ những người sử dụng nước để chi cho quản lý, vận hành, duy tu bảo dưỡng hệ thống thủy lợi. Như vậy ở đâu có công trình thủy lợi là ở đó cần kinh phí để quản lý, vận hành, duy tu bảo dưỡng. Nhà nước miễn thủy lợi cho nông dân hay nói cách khác nhà nước trả thay cho nông dân khoản kinh phí đó. Các Công ty quản lý khai thác công trình thủy lợi sẽ được cấp nguồn kinh phí ổn định để quản lý công trình. Sẽ không còn cảnh thu không đủ chi, nơi có thu nơi không thu, miễn giảm không hợp lý, thậm chí có tình cấp bù cũng không đủ. Hệ thống tưới tiêu được nâng cấp, duy tu bảo dưỡng kịp thời

### **2.4. Những khó khăn, thách thức**

Nhà nước trả thay (miễn) thủy lợi phí cho nông dân đây là cơ hội cho cả người cung cấp dịch vụ và người được hưởng dịch vụ, tuy vậy cũng có những khó khăn thách thức cần phải giải quyết:

- Liệu có xảy ra cảnh người Nông dân xin công ty, xí nghiệp thủy nông để được cung cấp nước theo yêu cầu chính đáng của họ và Công ty, xí nghiệp có phải xin cơ quan có thẩm quyền để được cấp kinh phí đầy đủ, kịp thời;

- Cách trả tiền thủy lợi phí theo diện tích tưới hiện nay cũng chưa khuyến khích người dùng nước tiết kiệm. Nay người nông dân không phải trả tiền nước, liệu có dùng nước tiết kiệm không? Ngược lại tiếng nói của người nông dân cũng ít có trọng lượng hơn khi họ không phải là người trả tiền, hay thực chất là được ‘cho nước’;

- Làm thế nào để bảo đảm rằng Công ty khai thác công trình thủy lợi sử dụng kinh phí đúng mục đích, công trình được nâng cấp, sửa chữa duy tu bảo dưỡng tốt, đặc biệt khi mà vai trò làm chủ và giám sát của người nông dân giảm đi, khi mà hiện nay đánh giá hiệu quả tưới chưa được áp dụng ở hầu khắp các công trình thủy lợi;

- Vấn đề công bằng trong việc cấp kinh phí giữa công trình do Công ty khai thác công trình thủy lợi với công trình do các tổ chức tập thể hoặc hội dùng nước quản lý;

- Các công trình thủy lợi vừa và nhỏ ở miền núi hiện nay hầu hết do “địa phương quản lý”. Công tác duy tu bảo dưỡng rất kém, một phần do

không thu thủy lợi phí hoặc thu được ít, mặt khác do năng lực quản lý kém. Ai sẽ quản lý các công trình thủy lợi này trong tương lai? Liệu có phải lập lại các Công ty khai thác công trình thủy lợi?

- Giải quyết thế nào khi nông dân vùng đồng bằng sông Cửu long chủ yếu dùng phương tiện của bản thân họ đưa nước lên ruộng

### **III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ THUỶ NÔNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

Để tận dụng được lợi thế khi nhà nước miễn thu thủy lợi phí cho nông dân, đồng thời khắc phục được những khó khăn và thách thức, chúng ta cần có thực hiện đồng bộ những giải pháp sau đây.

#### **3.1. Về chính sách**

Thủy lợi phí đã tồn tại thời gian dài trong dịch vụ tưới tiêu ở Việt nam. Đã được ghi vào các văn bản pháp quy của nhà nước từ Luật tài nguyên nước cho đến Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Khi Tổ chức, cá nhân sử dụng nước, làm dịch vụ về nước từ công trình thủy lợi cho mục đích sản xuất nông nghiệp không phải nộp thủy lợi phí thì các văn bản trên và một số các văn khác có liên quan cần sửa và bổ xung cho phù hợp.

#### **3.2. Về tổ chức quản lý**

- Hoàn thiện tăng cường hệ thống Tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi từ trung ương đến địa phương thuộc Doanh nghiệp nhà nước;

- Tăng cường sự tham gia của người dân (cộng đồng) trong việc quy hoạch, xây dựng và quản lý khai thác các công trình thủy lợi, trên cơ sở xây dựng được:

+ Hành lang pháp lý đối với các loại hình tổ chức dùng nước;

+ Cơ chế phối hợp giữa các tổ chức quản lý thủy nông và chính quyền cơ sở;

+ Cải tiến mô hình tổ chức dùng nước theo hướng thực chất, gọn nhẹ, hiệu quả.

- Tăng cường mối quan hệ chặt chẽ, sự cam kết giữa người cung cấp nước và người được hưởng dịch vụ cấp nước thông qua các hợp đồng dịch vụ.

#### **3.3. Về hạ tầng cơ sở**

Hệ thống thủy lợi trung du miền núi và vùng

đồng bằng có sự khác biệt rất lớn về quy mô, tính chất kỹ thuật, mục tiêu phục vụ, tổ chức quản lý:

- Hoàn chỉnh và nâng cấp các hệ thống tưới ở miền núi, chú trọng khâu thiết kế và quản lý chất lượng xây dựng để công trình được bền vững;

- Với các hệ thống tưới ở hai vùng đồng bằng lớn chuyển sang giai đoạn nâng cấp hiện đại hóa (hiện đại hóa hạ tầng cơ sở, hiện đại hóa quản lý);

- Áp dụng hệ thống chỉ tiêu giám sát, đánh giá hiệu quả tưới để đánh giá hiệu quả của từng hệ thống. hoạt động nay bảo hệ thống tưới được quản lý bảo dưỡng tốt và có hiệu quả.

#### **3.4. Về tài chính**

Vận dụng linh hoạt nguyên tắc "Nước có giá trị kinh tế trong mọi dạng sử dụng, canh tranh và cần được thừa nhận là một hàng hoá kinh tế":

- Mức thủy lợi phí quy định hiện nay là thấp, dẫn đến công trình bị xuống cấp nghiêm trọng, vì vậy cần xác định lại định mức chi cho quản lý, vận hành, bảo dưỡng (Thủy lợi phí) cho các vùng khác nhau (trung du, miền núi), trên cơ sở tính đúng tính đủ đầu vào;

- Chính phủ dành một khoản tiền nhất định, căn cứ vào định mức đã xác định và diện tích được tưới trung bình 3 - 5 năm gần đây để tính khoản tiền cần cấp cho cả nước và cho từng tỉnh;

- Có thể có một số cách chuyển tiền sau để bảo đảm nguyên tắc "người dùng nước phải trả tiền nước". Người dùng nước có thể là nhóm hộ hoặc một hộ;

- Tiền nhà nước chi cho quản lý thủy nông được gửi tại một ngân hàng nhất định. Thông qua hợp đồng dịch vụ, hai bên xác nhận nghiệm thu, thanh lý từng vụ hoặc cả năm. Bên cung cấp dịch vụ nhận tiền từ ngân hàng;

- Người dùng nước trả tiền cho người cung cấp dịch vụ và cầm biên nhận đề thanh toán tại một ngân hàng quy định.

#### **3.5 Về nhận thức và năng lực quản lý vận hành**

- Tăng cường năng lực các công ty: Bên cạnh việc tinh giản bộ máy nhân sự, cần phải tăng cường năng lực của các công ty về mặt trình độ chuyên môn, kỹ năng của đội ngũ nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị quản lý, hiện đại hoá công tác quản lý của các công ty.

- Nâng cao nhận thức, tăng cường năng lực

của các tổ chức HTDN và người dân trong sử dụng tiết kiệm nước, quản lý, vận hành và bảo vệ công trình thủy lợi. Điều này được thực hiện thông qua các chương trình tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân, đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho lãnh đạo, trưởng thôn của các xã để quản lý vận hành công trình đúng, hiệu quả, tăng tuổi thọ CT.

#### 4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Để có được chính sách cho phù hợp trong thời gian tới, chúng ta tiếp tục nghiên cứu: *Làm thế nào để người nông dân tiếp tục được hưởng dịch vụ tưới tiêu một cách tốt nhất và hệ thống tưới tiêu được quản lý tốt, hiệu quả và bền vững trong bối cảnh mới, với các khía cạnh sau.*

- Phân tích triển vọng, khó khăn và thách thức của chính sách miễn giảm thủy lợi phí đối với tài nguyên nước, hệ thống công trình thủy lợi, Doanh nghiệp nhà nước, Tổ chức cộng đồng dùng nước, tài chính quốc gia v.v...;

- Thủy lợi phí khi thu từ dân, không chỉ có

nghĩa về mặt kinh tế, mà còn nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân đối với công trình thủy lợi. Khi người dân không phải đóng thủy lợi phí nữa thì sẽ như thế nào?;

- Cơ chế tài chính về cấp phát ngân sách, trách nhiệm tổ chức dịch vụ, tổ chức cộng đồng v.v... thực hiện theo nguyên tắc như thế nào trong kinh tế thị trường;

- Căn cứ vào đâu để bảo đảm rằng nguồn kinh phí được cấp đủ chi cho quản lý vận hành duy tu bảo dưỡng hệ thống tưới và các hệ thống tưới tiêu được duy tu bảo dưỡng một cách tốt nhất?;

- Làm thế nào để bảo đảm rằng người nông dân được hưởng các dịch vụ tưới tiêu một cách tốt nhất khi họ không phải là người trả tiền dịch vụ?;

Thông qua việc sử dụng, quản lý nước công bằng và hiệu quả, mở rộng tưới tiêu, tận dụng tốt cơ hội, chúng ta sẽ tăng cường phát triển quản lý tưới. Sự phát triển này tạo thuận lợi cho một nền nông nghiệp bền vững, tạo ra cơ hội tăng thu nhập và đóng góp cho công cuộc xoá nghèo tại khu vực nông thôn.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Bộ NN&PTNT, 2007, Báo cáo tại buổi làm việc với Bộ tài chính về vấn đề thủy lợi phí, Hà Nội, 14/4/2007.

[2] Chu Thị Hào, 2007, Vai trò của PIM đối với tổ chức và hoạt động của các HTX nông nghiệp, Báo cáo tại hội thảo quốc gia lần 1 (trong khuôn khổ dự án VWRAP): Phát triển PIM thông qua các tổ chức dùng nước, Hạ Long, 11-13, tháng 5 năm 2007.

[3] Đoàn Thế Lợi, 2007, Báo cáo về chính sách thủy lợi phí, báo cáo tại hội thảo về thủy lợi phí, Hà Nội, tháng 3 năm 2007.

[4] Nguyễn Xuân Tiệp, 2004, Vai trò và hoạt động của PIM, Báo cáo tại hội thảo khu vực: Quản lý tưới có sự tham gia của người dân tiếp tục phát triển ở Việt Nam, Hạ Long, 30/3-2/4/2004.

#### Summary:

### **The opportunities, challenges and measures to enhance irrigation service performance and efficiency in the new context of irrigation fee policy.**

*The government policy to exempt irrigation service fee for farmers to improve their living conditions, enhance competitive capacity of agro-products in the market, and contribute to poverty reduction, has proved some positive social impacts. Within this context, some changes need to be done in terms of policies, organizational structure, infrastructure and finance management in irrigation sector.*

*The paper discussed opportunities and challenges in irrigation management, some empirical research results and recommendations as well as further studies needed to enhance irrigation service performance and efficiency.*

**Key words:** *Water, service, irrigation management, irrigation service fee, opportunity, challenge, solution.*

Người phản biện: **PGS. Phạm Ngọc Hải**